**Tiếng Việt**

**BÀI 31: An, ăn, ân**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và đọc đúng vần an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần an, ăn, ân; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần an, ăn, ân; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần an, ăn, ân.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần an, ăn, ân có trong bài học.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học, lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong sách giáo khoa.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát triển kĩ năng nói lời xin lỗi, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu nước, nhân ái: Cảm nhận được tình cảm mẹ con

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự lớp học nghiêm túc. Có ý thức tự thực hành, biết giúp bạn thực hiện các nhiệm vụ học tập.

\*HTQC: KĐ, Nói

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-Máy tính, ti , bài giảng pp

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động: ( 5’ )**  - HS hát chơi trò chơi  \*HTQC  **2. Nhận biết: ( 5’** )  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Ngựa vằn/ và hươu cao cổ là đôi bạn thân.  - GV giới thiệu các vần mới an, ăn, ân. Viết tên bài lên bảng.  **3, Đọc vần, tiếng, từ ngữ: ( 15’ )**  **a. Đọc vần an, ăn, ân**  **- So sánh các vần**:  + GV giới thiệu vần an, ăn, ân.  + GV yêu cầu HS so sánh vần ăn, ân với an để tìm ra điểm giống và khác nhau.  (Gợi ý: Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, ă, â).  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần an, ăn, ân. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần an.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép ă vào để tạo thành ăn.  + GV yêu cầu HS tháo chữ ă, ghép â vào để tạo thành ân.  - Lớp đọc đồng thanh an, ăn , ân một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng bạn. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm b ghép trước an, thêm dấu nặng dưới a xem ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bạn.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng bạn (bờ an - ban nặng - bạn). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng bạn.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng bạn. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng bạn.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng: GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS dánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần an, ăn hoặc ân. (GV đưa mô hình tiếng bạn, vừa nói vừa chỉ mô hình: Muốn có tiếng "bạn" chúng ta thêm chữ ghi âm b vào trước vần an và dấu nặng dưới a. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ăn hoặc vần ân vừa học! GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: Đó là tiếng gi?".  +GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được.  +GV yêu cầu HS phân tích tiếng  +GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép dược.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bạn thân, khăn rằn, quả mận. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn quả mận  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ quả mận xuất hiện dưới tranh.  - GV nêu yêu HS nhận biết tiếng chứa vần ân trong quả mận  - GV nêu yêu HS phân tích và đánh vần tiếng mận, đọc trơn từ ngữ quả mận.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với bạn thân, khăn rằn  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng**  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng: ( 10’ )**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần an, ăn, ân,  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần an, ăn, ân.  - HS viết vào bảng con: an, ăn, ân và bạn, khăn, mận (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần ăn và ân vì trong các vần này đã có an (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong a, â với nét móc trong n và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng).  - HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó: an – bạn, ăn - khăn, ân thân.  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs chơi  -HS trả lời  -Hs lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs so sánh  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe, quan sát  -HS đánh vần  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn vần: cá nhân, nhóm  - HS đọc trơn  - HS ghép  -HS tìm ghép  -HS đọc  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn đồng thanh  - HS đọc trơn các tiếng.  -HS quan sát, tìm tiếng có vần vừa học, đánh vần, đọc trơn  - HS đọc  -HS đọc  -HS thực hiện    -HS thực hiện  -HS thực hiện  - HS quan sát  - HS nói  - Phân tích, đánh vần, đọc trơn  - HS đọc  - HS quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở: ( 10’ )**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu, Lưu ý khoảng cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cầm bút.  - GV yêu cầu HS viết vào vở các vần an, ăn, ân, các từ ngữ bạn thân, khăn rằn.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **6. Đọc: ( 15’ )**  - GV đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần an, ăn, ân.  - GV yêu cầu một số (4-5) HS đọc trơn các tiếng mới.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2- 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  +Đàn gà tha thần ở đâu (gần chân mẹ)?  +Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ (đã có mẹ che chắn, bảo vệ)...  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh: ( 7’ )**  \*HTQC  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS  + Có chuyện gì đã xảy ra?  + Theo em, bạn cần xin lỗi Hà như thế nào?  - GV yêu cầu HS chia nhóm, đóng vai trong tình huống: Khi xếp hàng vào lớp, bạn sơ ý giẫm vào chân Hà. Hà nói: Sao cậu giẫm vào chân mình? Bạn nói lời xin lỗi Hà.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - GV có thể nhắc nhở HS nội quy khi xếp hàng: đứng thẳng hàng, không đùa nghịch, không giẫm vào chân nhau,..  **8. Vận dụng: ( 3’ )**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần an, ăn, ân.  - GV nhận xét chung giờ học.  -Nhắc HS thực hành giao tiếp ở nhà: nói lời xin lỗi | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS viết  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc cá nhân, nhóm, lớp  - HS đọc  - HS trả lời  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS đóng vai, trình diễn, nhận xét.  -HS lắng nghe  -HS chơi  -HS lắng nghe |